

Số: 06 /TTr-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Các nội dung đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Báo cáo của HĐQT về việc thực hiện các Chỉ tiêu SXKD, công tác quản lý điều hành năm 2023, những nhận định về tình hình kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế gây ảnh hưởng đến thị trường hàng không, du lịch... Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng kính trình Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH
Sản lượng (suất ăn)	Suất	1,488,961	1,052,958	70.72%
Tổng doanh thu	Tr. đồng	158,006	146,542	92.74%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	6,615	3,652	55.21%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6,615	3,652	55.21%
Vốn đầu tư của CSH	Tr. đồng	42,677	42,677	100.00%
Kế hoạch đầu tư	Tr. đồng	29,450	3,373	11.45%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	-			

2. Phương án phân phối kết quả SXKD năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	3,652,308,947
2	Thuế TNDN phải nộp	0
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3,652,308,947
	Trong đó:	
3.1	Lợi nhuận các đơn vị cung ứng suất ăn, Thương mại	2,016,373,938
3.2	Lợi nhuận tại TTDN Huế	1,075,068,353
	Phân phối LN tại TTDN Huế:	
	a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Huế	48,378,076
	b. Chia cho các cổ đông góp vốn	484,800,045
	c. LN Công ty được chia từ TT Huế	541,890,232
3.3	Lợi nhuận tại TTDN Đà Nẵng	560,866,656
	Phân phối LN tại TTDN Đà Nẵng	
	a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Đà Nẵng	0
	b. Phân chia LN theo tỷ lệ vốn góp của các cổ đông	274,824,661
	c. Phân chia LN theo tỷ lệ vốn góp của Công ty	286,041,995
4	Lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi chia cho các bên góp vốn theo Hợp đồng HTKD tại 2 Trung tâm: (4=3.1+3.2c+3.3c) (Mã 421b-BCĐKT)	2,844,306,165

2.1. Phân phối lợi nhuận tại 2 Trung tâm đào tạo lái xe ô tô, mô tô (Hợp tác kinh doanh với các cá nhân bên ngoài):

- Trung tâm Đà Nẵng do kết quả kinh doanh thua lỗ các năm 2020,2021 với tổng lỗ lũy kế: 4,159 tỷ đồng. Năm 2022 và tiếp tục năm 2023 Trung tâm đã có Lợi nhuận nên toàn bộ Lợi nhuận của hai năm này: 1,615 tỷ đồng được dùng để bù lỗ của các năm trước, không thực hiện chia LN cho các bên góp vốn, giảm phần lỗ lũy kế tại Công ty cũng như giảm phần nợ của các cá nhân góp vốn tại Trung tâm.

- Lợi nhuận tại Trung tâm Huế năm 2023: Do Trung tâm kinh doanh có lãi và không có các khoản lỗ lũy kế các năm trước, nên Trung tâm được trích 5% Lợi nhuận sau thuế cho các quỹ KT, PL dành cho các hoạt động chăm lo cho NLĐ. Phần Lợi nhuận sau khi trích các quỹ sẽ phân chia cho các bên góp vốn, theo đó Công ty được chia Lợi nhuận: 542 triệu đồng (theo tỷ lệ vốn góp: 58,95%).

2.2. Hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ liên tiếp hai năm 2020, 2021 với tổng Lỗ lũy kế: 27,03 tỷ đồng. Trong hai năm 2022, 2023 Công ty đã có Lợi nhuận tuy nhiên giá trị không lớn và chưa đủ bù mức lỗ lũy kế của các năm trước. Lợi nhuận của năm 2023 (sau khi chia cho các bên góp vốn theo HĐ HTKD và trích quỹ KTPL) chỉ đạt 2,84 tỷ đồng nên Công ty không thực hiện phân chia cổ tức cho các cổ đông. Chi tiết Lỗ lũy kế đến 31/12/2023:

Chỉ tiêu	ĐVT	Lợi nhuận sau thuế
Năm 2020	Đồng	(12,153,078,594)
Năm 2021	Đồng	(14,873,986,621)
Năm 2022	Đồng	54,127,931
Năm 2023	Đồng	2,844,306,165
Tổng lỗ lũy kế (31/12/2023)	Đồng	(24,128,631,119)

2.3. Đối với cổ tức năm 2019: (ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tỷ lệ cổ tức chia cho các cổ đông 25%/VĐL số tiền là 10,67 tỷ đồng): do hoạt động SXKD của Công ty trong hai năm 2020-2021 liên tiếp thua lỗ do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đồng thời phần Lợi nhuận của năm 2022 và 2023 chưa đủ bù trừ lỗ lũy kế, nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho MASCO, tạm thời năm 2024 Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông; Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2024, HĐQT MASCO sẽ báo cáo với các cổ đông sau.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Trên cơ sở thực hiện năm 2023 và những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được dự báo trong năm 2024, Hội đồng quản trị trình Đại hội những chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 HĐQT đề nghị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua
1. Tổng vốn chủ sở hữu bình quân	43.480	
Trong đó:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2024	42.677	

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 HĐQT đề nghị	Kế hoạch ĐHČĐ thông qua
2. Sản lượng suất ăn (suất)	1,099,169	
3. Doanh thu thực hiện	157,486	
4. Tổng chi phí	153,278	
Trong đó: Tổng quỹ lương	44,056	
5. Lợi nhuận trước thuế	4,208	
6. Lợi nhuận sau thuế	4,208	
7. Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ		
8. Tổng phát sinh phải nộp NS	5,549	
9. Lao động bình quân	424	
10. Tổng vốn đầu tư trong năm	23,398	

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2024 dự báo tiếp tục biến động, xung đột địa chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Để chủ động trong điều hành SXKD, HĐQT kiến nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động rà soát, điều chỉnh Kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

4. Kế hoạch đầu tư 2024: (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2023 : 16,653 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mới trong năm 2024 : 6,745 tỷ đồng
- Tổng cộng mức đầu tư Kế hoạch 2024 : 23,398 tỷ đồng

5. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (báo cáo đính kèm)

- Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (báo cáo đính kèm)

- Báo cáo của Ban kiểm soát đã trình bày được các hoạt động mà BKS thực hiện trong năm 2023, cơ bản đã đánh giá đầy đủ về hoạt động SXKD của Công ty, hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, công tác đầu tư và quyết toán dự án trong năm 2023 cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó báo cáo cũng tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023 của Công ty.

7. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2023 và phương án trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2024:

- Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS được thực hiện đầy đủ 100% theo kế hoạch năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

7.1. Tình hình thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2023:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

7.2. Kế hoạch chi trả tiền lương và thù lao năm 2024:

- Công ty xây dựng Kế hoạch thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2024 như thực hiện năm 2023: **172.380.000 đồng**, trong đó:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

Trên đây là báo cáo các nội dung chỉ tiêu SXKD, phương hướng nhiệm vụ năm 2024. HĐQT trân trọng báo cáo và mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để hoạt động SXKD năm 2024 đạt kết quả cao nhất.

Với sự đoàn kết thống nhất cao trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự sáng tạo, linh hoạt và quyết đoán trong quản trị và điều hành, cùng với sự đồng lòng ủng hộ của các cổ đông, nhất định HĐQT, Ban TGD điều hành sẽ vượt qua khó khăn thách thức của năm 2024, thực hiện tốt các mục tiêu đại hội đề ra.



PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Thông tin về danh mục đầu tư		
		Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn VCSH	Tiến độ thực hiện
	2	3	4	5
A	Dự án chuyển tiếp kỳ trước (I+II)	16,653	4,996	
I	Đầu tư trang thiết bị (1+2+3)	14,853	4,456	
	Xe vận chuyển suất ăn (3 xe)	14,853	4,456	Quý 1
II	Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)	1,800	540	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư	1,800	540	
2.1	Chống thấm sàn nhà xưởng CXR	1,800	540	Quý 1
B	Dự án đầu tư mới (I+II)	6,745	3,047	
I	Đầu tư trang thiết bị lẻ (1+2+3)	3,230	1,299	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư	3,230	1,299	
2.1	Xe tải Suzuki 500kg thùng lạnh nhỏ để tăng suất ăn (1 xe)	500	150	Quý 1
2.2	Thiết bị dò kim loại (an ninh suất ăn CXR)	350	105	Quý 4
2.3	Công an ninh ra vào (DAD, CXR và HUI)	180	54	Quý 4
2.4	Trang thiết bị tại DAD và CXR	1,100	660	
2.5	Cửa cuốn giao nhận, thu hồi có remote (3 cửa DAD)	150	45	Quý 1
2.6	Kho lạnh chờ ra tàu DAD (22m2)	450	135	Quý 2
2.7	Trang thiết bị lẻ khác	500	150	Cả năm
II	Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2)	3,515	1,748	
1	Các dự án chuẩn bị đầu tư			
2	Các dự án thực hiện đầu tư	3,515	1,748	
2.1	Cải tạo cơ sở hạ tầng DAD	890	890	
a	Ốp nhựa PVC tường phòng làm bánh 150m2	70	70	Quý 3
b	Ốp nhựa PVC thay cho tường gạch bị bong tróc 220m2	100	100	Quý 2
c	Gia cố đánh cống thoát nước và đổ bê tông nhựa trước XN	170	170	Quý 2
d	Hệ thống thu lôi chống sét	50	50	Quý 1
e	Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại Đà Nẵng	500	500	Quý 2
2.2	Cải tạo cơ sở hạ tầng CXR	2,325	768	
a	Làm mới khung kèo mái cho tổ kỹ thuật TBMM 140m2	100	100	Quý 1
b	Chống thấm sàn nhà xưởng bằng lợp tôn	600	180	Quý 1
c	Bổ sung thiết bị và nâng cấp hệ thống PCCC	1,625	488	Quý 3
2.3	Cải tạo sân tập lái tại Đà Nẵng	300	90	Quý 1
	Tổng cộng (A+B)	23,398	8,043	